

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT



GIÁO TRÌNH

**VĂN HỌC DÂN GIAN
VIỆT NAM**

TS. LÊ HỒNG PHONG

2005

MỤC LỤC

MỤC LỤC	- 1 -
LỜI NÓI ĐẦU	- 4 -
CHƯƠNG MỞ ĐẦU	- 5 -
0.1. Sự tương đồng giữa văn học dân gian và văn học viết.....	- 5 -
0.1.1. Tương đồng về chức năng	- 5 -
0.1.2. Tương đồng về loại hình, loại thể	- 5 -
0.1.3. Tương đồng về chủ đề.....	- 6 -
0.1.4. Tương đồng về thi pháp	- 6 -
0.2. Sự khác biệt giữa văn học dân gian và văn học viết.....	- 7 -
0.2.1. Văn học dân gian là văn học truyền miệng.....	- 7 -
0.2.2. Văn học dân gian là văn học tập thể.....	- 7 -
0.2.3. Văn học dân gian luôn có dị bản.....	- 8 -
0.2.4. Văn học dân gian có nhiều motif và type	- 8 -
0.3. Sự tương tác giữa văn học dân gian và văn học viết.....	- 9 -
0.3.1. Thi pháp văn học dân gian ảnh hưởng đến văn học viết.....	- 9 -
0.3.2. Phương thức diễn xướng dân gian ảnh hưởng đến văn học viết.....	- 9 -
0.3.3. Văn học dân gian sống đời sống “văn bản” như văn học viết	- 10 -
0.3.4. Văn học dân gian sống đời sống mới trên báo chí	- 11 -
0.4. Văn học dân gian và văn hoá dân gian (folklore).....	- 11 -
0.4.1. Tính chất nguyên hợp của văn học dân gian.....	- 11 -
0.4.2. Văn học dân gian đảm nhận chức năng văn hóa.....	- 13 -
0.4.3. Sử dụng phương pháp liên ngành để nghiên cứu văn học dân gian.....	- 14 -
Chương 1 THẦN THOẠI.....	- 17 -
1.1. Thần thoại là gì ?	- 17 -
1.2. Thần thoại nảy sinh như thế nào ?	- 18 -
1.3. Thần thoại Việt Nam	- 19 -
Chương 2 SỬ THI.....	- 25 -
2.1. Thuật ngữ.....	- 25 -
2.2. Vài nét về sử thi Tây Nguyên.....	- 26 -
Chương 3. TRUYỀN THUYẾT.....	31
3.1. Truyền thuyết là gì?.....	31
3.2. Phân kỳ, phân loại truyền thuyết.....	32
3.2.1. Phân kỳ truyền thuyết.....	32
3.2.2. Phân loại truyền thuyết.....	33
3.3. Đôi điều về truyền thuyết An Dương Vương.....	33
Chương 4. CỔ TÍCH	34
4.1. Cổ tích là gì ?.....	34
4.2. Nội dung cổ tích.....	34
4.2.1. Cổ tích có giải thích các hiện tượng tự nhiên.....	34
4.2.2. Cổ tích chú trọng các vấn đề con người và xã hội	35

4.2.3. Cổ tích lưu giữ các giá trị văn hóa dân gian	35
4.3. Nhân vật cổ tích	35
4.4. Yếu tố thần kỳ và kết thúc truyện	36
4.4.1. Yếu tố thần kỳ	37
4.4.2. Kết thúc có hậu	38
4.4.3. Kết thúc không có hậu	38
4.5. Thời gian, không gian cổ tích	39
4.6. Phân loại cổ tích	40
4.6.1. Tình hình phân loại cổ tích	40
4.6.2. Nhận xét sơ bộ về sự phân loại	41
4.6.3. Tiểu kết về phân loại cổ tích	41
Chương 5. NGỤ NGÔN	42
5.1. Ngụ ngôn là gì?	42
5.2. Nội dung ngụ ngôn	42
5.3. Nghệ thuật ngụ ngôn	42
5.4. Vai trò của ngụ ngôn	43
Chương 6. TRUYỆN CƯỜI	45
6.1. Tiếng cười và truyện cười	45
6.2. Dân gian cười ai và cười cái gì?	45
6.2.1. Cười các hạng người trong xã hội	45
6.2.2. Cười các thói tính	46
Chương 7. TRUYỆN TRẠNG	49
7.1. Khái niệm và vị trí của truyện trạng	49
7.2. Nội dung truyện trạng	50
7.2.1. Đối với vua chúa Việt Nam	50
7.2.2. Thái độ đối với ngoại bang	50
7.2.3. Sự báng bổ thần thánh	51
7.2.4. Chế giễu những đối tượng khác	52
7.3. Nghệ thuật truyện trạng	52
7.3.1. Sự phóng đại	52
7.3.2. Các mẹo lừa	53
7.3.3. Các biện pháp chơi chữ	53
7.3.4. Yếu tố tục	54
Chương 8. VÈ	55
8.1. Vè là gì?	55
8.2. Vè sinh hoạt	55
8.3. Vè lịch sử	56
Chương 9. TỤC NGŨ	57
9.1. Tục ngữ là gì?	57
9.2. Phân biệt tục ngữ với các thể loại khác	57
9.2.1. Tục ngữ và thành ngữ	57

9.2.2. Tục ngữ và ca dao.....	58
9.2.3. Tục ngữ và cổ tích.....	58
9.3. Nội dung tục ngữ.....	59
9.3.1. Nhận thức về tự nhiên, thời tiết.....	59
9.3.2. Kinh nghiệm trồng trọt, chăn nuôi, đánh bắt	59
9.3.3. Kinh nghiệm ứng xử, lối sống của con người	60
9.3.4. Phong tục và đặc sản địa phương	61
9.3.5. Tục ngữ về lịch sử.....	61
9.3.6. Tục ngữ là triết học dân gian	61
9.3.7. Sự mâu thuẫn giữa các câu tục ngữ.....	61
9.4. Nghệ thuật của tục ngữ.....	62
9.4.1. Đa số tục ngữ có vần, có nhịp	62
9.4.2. Tính đa nghĩa của tục ngữ.....	63
9.4.3. Các thủ pháp tạo nghĩa	63
Chương 10. CÂU ĐỐI.....	65
10.1. Câu đối là gì?.....	65
10.2. Đối về những cái gì?.....	65
10.3. Hình thức câu đối.....	66
10.4. Đối - đáp trong ca hát dân gian.....	67
Chương 11. BÀI CA DÂN GIAN.....	68
11.1. Thuật ngữ.....	68
11.2. Các loại bài ca dân gian.....	69
11.3. Một số đặc điểm nghệ thuật	73
CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP	78
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	79

LỜI NÓI ĐẦU

Sau khi tham khảo các giáo trình đại học về văn học dân gian, kết hợp với thực tiễn nghiên cứu và giảng dạy của mình, tôi biên soạn tập bài giảng này ở mức tóm tắt nhất. Bản đầu tiên được in ở Trường Đại học Đà Lạt vào năm 2001, các năm sau tác giả đều có sửa chữa và cung cấp cho sinh viên năm thứ nhất để sao chụp làm tài liệu học tập. Với bản năm 2005 này, có sự cộng tác của cử nhân Nguyễn Ngọc Chiến.

Tập bài giảng gồm 12 chương: chương mở đầu có tính chất dẫn nhập và mười một chương về mười một thể loại. Trong khi chưa có giáo trình riêng cho từng ngành Ngữ văn, Lịch sử, Việt Nam học, Sư phạm, sinh viên các ngành có thể sử dụng chung tập bài giảng này. Khi lên lớp, tôi sẽ cố gắng trình bày gắn với đặc trưng từng ngành.

Để học tập và nghiên cứu tốt, người học cần đọc kỹ các tác phẩm mà bài giảng có đề cập đến, đọc thêm sách tham khảo trong thư mục, suy nghĩ về hệ thống câu hỏi, làm bài tập và đề xuất ý kiến để giảng viên giải đáp trên lớp.

Những kiến thức chung, những luận điểm cơ bản của tập bài giảng này hoặc của sách khác, người học có thể sử dụng nếu tán thành nhưng khi trả bài phải viết theo cách riêng và lời văn riêng phù hợp với tác phẩm mà mình đã nghiên ngẫm. Người học cũng có thể nêu ý kiến riêng khác thầy, khác sách và bảo vệ ý kiến ấy bằng lý lẽ và dẫn chứng thuyết phục.

Liên quan hoặc bổ trợ cho môn học này còn có các giáo trình hoặc chuyên đề khác: Cơ sở văn hóa Việt Nam; Đại cương văn học Việt Nam; Phương pháp sư tầm, nghiên cứu văn học dân gian; Dân tộc học đại cương; Sử thi Tây Nguyên; Truyện cổ Tây Nguyên...

Dù sửa chữa liên tục nhiều lần, tập bài giảng này chưa thể hoàn thiện như mong muốn của tác giả và người sử dụng. Sự góp ý của đồng nghiệp và sinh viên sẽ giúp tác giả tu chỉnh tập bài giảng và cập nhật trong những năm tiếp theo. Trân trọng cảm ơn!

Đà Lạt, 10.11.2005
T.S. Lê Hồng Phong

CHƯƠNG MỞ ĐẦU

Thuật ngữ “văn học dân gian” được dùng với hai nghĩa. Khi chỉ đối tượng nghiên cứu, người ta thêm vào các từ : dòng, nền, loại hình, thể loại, tác phẩm...văn học dân gian; khi chỉ ngành khoa học, môn học, người ta viết: ngành (môn, khoa, khoa học) văn học dân gian...

Văn học dân gian có những tương đồng và khác biệt với văn học viết (văn học thành văn, văn chương bác học, văn chương chuyên nghiệp). Bằng phương pháp so sánh và các phương pháp cần thiết khác, có thể và cần thiết phân biệt hai dòng văn học này; qua đó, thấy được đặc trưng của văn học dân gian trong tương quan hai dòng văn học và trong tổng thể văn hóa dân gian (folklore).

0.1. Sự tương đồng giữa văn học dân gian và văn học viết

0.1.1. Tương đồng về chức năng

Cùng thuộc loại hình nghệ thuật ngôn từ nên văn học dân gian cũng có các thuộc tính của văn học (văn chương)¹ với tư cách là hình thái ý thức xã hội, phản ánh tồn tại xã hội theo cách riêng của văn học. Ngoài các chức năng văn học đã được khẳng định: nhận thức, giáo dục, thẩm mỹ, các nhà khoa học thừa nhận chức năng giải trí, đề xuất thêm các chức năng thông tin, giao tiếp, dự báo... và khẳng định văn học (gồm hai dòng văn học dân gian và văn học viết) có nhiều chức năng - đa chức năng. Văn học dân gian cũng là nghệ thuật ngôn từ, cũng dùng lối nói hình ảnh, tư duy hình tượng để phản ánh và tái tạo hiện thực và biểu hiện, bộc lộ tâm tư tình cảm con người một cách nghệ thuật.

0.1.2. Tương đồng về loại hình, loại thể

Văn học dân gian có loại hình tự sự dân gian với các thể loại (loại thể): thần thoại, truyền thuyết, cổ tích, ngụ ngôn, truyện cười, văn học viết cũng có các thể loại thuộc loại hình tự sự (truyện ngắn, truyện vừa, tiểu thuyết); văn học dân gian có trữ tình dân gian (ca dao-dân ca) và văn học viết có loại hình trữ tình; văn học dân gian có các thể loại kịch bản truyền thống (chèo, tuồng) thì văn học viết có các thể loại kịch bản sân khấu hiện đại.

Văn học dân gian có sự nguyên hợp về thể loại (yếu tố hài trong ngụ ngôn, thần thoại lịch sử hóa, cổ tích lịch sử hóa, truyện thơ ngụ ngôn, bài ca trào phúng, hát đố...) thì văn học viết cũng có sự tổng hợp (truyện thơ, kịch thơ, thơ văn xuôi...). Ngay cả về

¹ Ở Việt Nam, thuật ngữ *văn học* vừa dùng để chỉ sáng tác *văn chương* vừa để chỉ môn học, khoa học nghiên cứu *văn chương*. Vì vậy, theo quán tính, thuật ngữ *văn học dân gian* cũng được hiểu với hai nghĩa cơ bản như vậy.

thể thơ, văn học dân gian và văn học viết đều có chung một số thể cơ bản: thể ngũ ngôn, thất ngôn, đặc biệt là lục bát.

Xét theo lịch sử văn học và lịch sử loại hình văn học, văn học dân gian có trước, văn học viết kế thừa và nâng cao, sáng tạo thêm những thể loại, tiểu loại mới, nhưng về loại hình văn học cơ bản (tự sự, trữ tình, kịch bản) thì cả hai dòng văn học có sự tương đồng về loại hình.

0.1.3. Tương đồng về chủ đề

Việt Nam hơn hai ngàn năm phải chống các loại kẻ thù xâm lược, vận mệnh dân tộc (quốc gia) thường được đặt ra cấp bách hơn số phận con người, chủ đề giữ nước nhiều khi nổi bật hơn chủ đề dựng nước. Từ đó tạo ra một dòng chủ lưu: dòng văn học yêu nước cho cả văn học dân gian và văn học viết, tạo ra hình ảnh trung tâm cho văn học là hình ảnh người anh hùng vệ quốc. Đó là chủ đề yêu nước trong Thơ thần, Hịch tướng sĩ, Cáo bình Ngô, trong thơ văn Lý Trần, thơ văn Nguyễn Trãi, Phan Bội Châu, Hồ Chí Minh... Đó là chủ nghĩa yêu nước qua hàng loạt truyền thuyết lấy lịch sử làm nội dung phản ánh hoặc những thần thoại lịch sử hóa về buổi đầu lập quốc, các truyện cổ tích lịch sử hóa, những bài ca lịch sử, những bài về lịch sử, thậm chí cả những tục ngữ về lịch sử. Chủ nghĩa yêu nước-anh hùng trở thành chủ đề xuyên suốt văn học dân gian và văn học viết Việt Nam.

Bên cạnh đó, nền văn học Việt Nam bao gồm cả văn học dân gian và văn học viết còn nổi lên một chủ đề khác: chủ đề nhân đạo. Vấn đề con người đã toát lên từ Truyện Kiều và thơ Nguyễn Du, thơ Hồ Xuân Hương, thơ Mới, văn xuôi 1932-1945 với Nam Cao, Vũ Trọng Phụng... và cả trong hàng loạt bài ca dân gian và cổ tích (Tám Cám, Thạch Sanh, Sọ Dừa,...). Số phận người mồ côi, người tàn tật, người bất hạnh, người phụ nữ trong xã hội đã được sự quan tâm của dân gian và bác học, dù ở mỗi tác phẩm, mỗi thời đại, mỗi dòng văn học có cách quan niệm và kiến tạo, giải quyết khác nhau.

Ngoài hai chủ đề chính, cả hai dòng văn học còn có chung những chủ đề khác.

0.1.4. Tương đồng về thi pháp

Tác phẩm văn học dân gian và tác phẩm văn học viết đều phải có hình thức nghệ thuật, có kết cấu, cốt truyện, cấu tứ thơ (thơ dân gian và thơ bác học), có nhân vật tự sự hoặc nhân vật trữ tình, có các kiểu nhân vật chính và phụ, nhân vật chính diện và phản diện, nhân vật trung gian, hiện thực khách quan và hiện thực tâm trạng, thời gian và không gian v.v...

Là một hình thái ý thức xã hội, một loại hình nghệ thuật ngôn từ thì cả văn học dân gian và văn học viết đều có bản chất chung của văn học (văn chương). Văn học dân gian xuất hiện trước văn học viết nhưng khoa nghiên cứu về văn học dân gian ra đời muộn hơn, việc vay mượn thuật ngữ và phương pháp là đương nhiên. Do đó, hầu hết các khái niệm và thuật ngữ đã sử dụng để nghiên cứu văn học thành văn thì cơ bản cũng có thể áp dụng vào việc nghiên cứu văn học dân gian, bên cạnh các khái niệm và

thuật ngữ riêng. Không chỉ các thuật ngữ khoa học được áp dụng cho nghiên cứu văn học viết đã và đang áp dụng cho nghiên cứu văn học dân gian mà các phương pháp và thao tác nghiên cứu cũng được áp dụng chung cho cả hai loại đối tượng, hai loại hình văn học (miêu thuật, so sánh, phân loại, phân tích và tổng hợp...).

Cho đến đầu thế kỷ XXI, cơ bản khoa nghiên cứu văn học dân gian vẫn đang trực thuộc khoa (viện) văn học hoặc đặt trong khoa (viện) nghiên cứu văn hóa, là một trong những môn học ở các khoa văn học hoặc ngữ văn ở các trường đại học.

0.2. Sự khác biệt giữa văn học dân gian và văn học viết

Mặc dù có những điểm tương đồng nhưng giữa văn học dân gian và văn học viết còn có nhiều điểm khác nhau, thậm chí đối lập nhau (tương khắc) ở mức độ nhất định. Điểm tương đồng giữa hai loại hình (hai dòng) văn học thể hiện bản chất văn học chung thì điểm khác nhau giữa chúng lại bộc lộ đặc trưng của từng dòng văn học.

0.2.1. Văn học dân gian là văn học truyền miệng

Nếu như văn học viết là những tác phẩm được nhà văn sáng tác bằng văn viết và lưu hành trên văn bản thì văn học dân gian lại được dân gian diễn xướng bằng lời (nói, hát, kể), lưu trong ký ức và truyền đi bằng miệng. Sự khác nhau này về phương thức sáng tác và lưu truyền là rất cơ bản khiến cho hai thứ văn học phần nào có tính chất đối lập nhau. Văn học dân gian lưu giữ trong trí nhớ con người, được diễn xướng trong môi trường của nó, thường là môi trường lễ hội (hát đối đáp) và có khi là môi trường gia đình riêng (hát ru)...Tác phẩm là chuỗi ngữ âm phát ra trong không gian, từ sự diễn xướng của người này đến tai người khác một cách trực tiếp, không qua sự môi giới. Văn học dân gian vì thế là văn học sinh hoạt, là văn học được diễn, tác giả cũng là người biểu diễn tác phẩm. Một người hát quan họ, đến cung đoạn mời trầu hay già bạn vừa chân thành trong tình cảm như người trong cuộc khi hát lời yêu, vừa phải đóng vai người yêu, xong cuộc hát thì lại trở về vị thế của mình trong gia đình, trong làng họ. Không khí đua tranh, sự ồn ào, tán thưởng hay khích bác, thách thức tạo hứng khởi cho hứng tác (ứng tác) tại chỗ hoàn toàn khác với sự tích lũy, nghiền ngẫm và sáng tạo của nhà văn. Tác phẩm cũng không cần qua kiểm duyệt, biên tập, in ấn, phát hành, mua bán... Tác phẩm được truyền miệng đến công chúng tức thời trong cuộc hát, cuộc kể.

0.2.2. Văn học dân gian là văn học tập thể

Tính tập thể là đặc trưng về chủ thể sáng tạo và tiếp nhận văn học dân gian. Tác phẩm của nhà văn có tên tuổi, có bản quyền trong khi tác phẩm dân gian là của nhiều người, do nhiều người làm ra, được lưu truyền nhiều thế hệ. Cái tập thể sáng tạo văn học dân gian có thể rất gần nhau (trong làng, trong họ, cùng thời) nhưng cũng có thể rất xa nhau về không gian và thời gian. Nàng Diệp Hận được Đoàn Thành Thức ghi

chép từ thế kỷ IX, nghĩa là nó đã lưu hành trước đó và được coi như một dị bản của type (kiểu) truyện Tấm Cám. Dù sớm được sưu tầm và in ấn để cho nó một đời sống văn bản hóa, truyện Tấm Cám vẫn tiếp tục được kể trong dân gian cho đến cuối thế kỷ XX. Biết bao tác giả vô danh của nhiều vùng văn hoá khác nhau, của hàng chục thế kỷ đã cùng góp công sáng tạo Tấm Cám, cũng như sáng tạo hàng loạt bài ca và cổ tích khác. Bằng con đường tập thể (sáng tác – lưu giữ – truyền miệng) qua nhiều vùng, nhiều thời đại, chủ thể sáng tạo và chủ thể tiếp nhận của văn học dân gian đã hoàn toàn khác xa với văn học viết. Người ta sáng tác theo lệ làng phép nước, theo thị hiếu và dư luận, người ta nhớ hay quên các chi tiết nào đó theo thói quen, theo truyền thống của cha ông. Với một tập thể khác nhau đông đảo về số lượng, cách nhau về không gian – thời gian như vậy, hậu quả sẽ dẫn tới là hiện tượng tam sao thất bản.

0.2.3. Văn học dân gian luôn có dị bản

Việc sáng tác tập thể, lưu truyền tập thể qua ngôn ngữ truyền miệng sẽ dẫn tới các dị bản của một tác phẩm, của mọi tác phẩm dân gian. Một nghệ nhân trí nhớ tốt, có giọng kể (hát) hay, có tài (đặt chuyện, bẻ vè, gieo vần) sẽ liên tục có phần sáng tạo riêng làm cho tác phẩm tha hóa theo hướng tích cực hay tiêu cực. Tác phẩm văn học dân gian vì thế có thể hay hơn hoặc kém hơn trước, được bổ sung hay mai một tùy thuộc nhiều điều kiện, trong đó có vai trò các thành viên làm nên tập thể ấy. Dị bản không phải là đặc trưng quan trọng nhất mà là đặc trưng có tính hệ quả từ hai đặc trưng tập thể – truyền miệng. Với tính chất dị bản, văn học dân gian đã rất khu biệt, nếu không nói là đối lập với văn học viết. Với văn học dân gian, không có văn bản cuối cùng, sự sáng tạo văn học dân gian kéo dài vô tận. Các tác phẩm được văn bản hoá để nghiên cứu, dạy và học chỉ là lát cắt trong một khoảnh khắc sưu tầm nào đó, mà ngay chính nghệ nhân ấy, lần trình diễn sau lại có thể cung cấp cho người sưu tầm một biến thể mới, khác đi ít nhiều.

0.2.4. Văn học dân gian có nhiều motif và type

Do truyền miệng, bởi tập thể, qua nhiều thời đại, nhiều vùng văn hoá, tác giả dân gian sẽ lược bỏ các chi tiết, các hình ảnh không cần thiết, không tiện cho việc lưu cất và diễn xướng tác phẩm. Chỉ còn các công thức chung mà folklore-học gọi là motif : motif kết cấu thuận theo trình tự thời gian vật lý; motif hành động tạo thành cốt truyện; motif kết thúc có hậu như một quy luật; motif nhân vật quen thuộc (mồ côi, mang lốt, con út, con riêng, dì ghẻ, phú ông...) mang tính khái quát hóa cho hạng người, cho số phận người hơn là cá thể hoá, sự khái quát đến mức tên nhân vật được đặt theo vị thứ, danh từ chung, nghề nghiệp...cho tiện nhớ, tiện kể. Hàng loạt truyện và dị bản có thể tạo thành type truyện (kiểu truyện) với một số chủ đề chung hay có chung motif chủ đề. Việc cắt giảm tối đa những gì cản trở sự lưu giữ và truyền miệng của tập thể cũng tạo ra miền đất rộng rãi cho sự hình dung tưởng tượng của người nghe, để cho họ

cũng được sáng tạo; đến lượt mình, người thưởng thức có quyền và có khả năng trở thành đồng tác giả.

Văn học dân gian còn có một đặc trưng rất quan trọng là nguyên hợp sẽ được trình bày trong mục 0.4 về mối quan hệ của văn học dân gian với văn hóa dân gian (folklore).

0.3. Sự tương tác giữa văn học dân gian và văn học viết

Văn học dân gian và văn học viết không những có sự tương đồng mà còn có sự tương tác, sự xâm nhập và chuyển hóa lẫn nhau.

0.3.1. Thi pháp văn học dân gian ảnh hưởng đến văn học viết

Có những tác phẩm văn xuôi được nhà văn kết cấu theo chiều thuận của thời gian tương tự cổ tích (Hoàng Lê nhất thống chí).

Các chất liệu dân gian đã thâm nhập vào Truyện Kiều của nhà thơ Nguyễn Du. Cái thầy vô chủ ven sông, người chờ sẵn để vớt Kiều khi nàng tự tử, cảnh đoàn viên tái hợp có hậu cuối tác phẩm...là sự vận dụng thi pháp dân gian. Lối nói dân gian, cái trào tiếu dân gian được Hồ Xuân Hương sử dụng một cách sắc sảo để nói tới những miền cấm kỵ xa lạ với quan niệm Nho giáo. Chất dân gian với các hình ảnh, các biểu tượng đã đi vào thơ Nguyễn Bính khá đậm đà đến mức người ta nói tới một nhà thơ chân quê, một nét phong cách dân gian trong thơ Nguyễn Bính. Thể loại lục bát dân gian được Nguyễn Du, Nguyễn Bính... nâng cao đến mức điêu luyện.

Trong nhiều trường hợp, các hành động và quan hệ nhân vật trong tiểu thuyết đã được chú trọng, phần nội tâm nhân vật có thể sơ sài, những hồi ức có thể không xuất hiện. Lối phân chia nhân vật thành hai tuyến địch - ta, thiện - ác, những người tuyệt đối tốt và những kẻ hoàn toàn xấu, lối kết thúc tác phẩm theo hướng có hậu đã từng quán xuyến trong văn xuôi chống Pháp, chống Mỹ. Phải tới Đất trắng, Nỗi buồn chiến tranh... thì cái nhìn hiện thực và quan niệm về con người trong văn xuôi mới đa dạng hơn. Thi pháp dân gian được các nhà tiểu thuyết vận dụng thành công, sáng tạo ra chủ nghĩa hiện thực huyền ảo Mỹ-Latinh. Đó có thể là sự bế tắc của thi pháp văn xuôi thế kỷ XX, sự “lại giống” hoặc sự phục hưng thi pháp huyền thoại.

0.3.2. Phương thức diễn xướng dân gian ảnh hưởng đến văn học viết

Từ xưa, Truyện Kiều của Nguyễn Du và thơ Hồ Xuân Hương...được lưu giữ và truyền tụng chủ yếu bằng phương thức truyền miệng như thơ dân gian. Thơ ca dân gian chủ yếu là để hát, hát cuộc hay hát lẻ, hát tỏ tình hay hát ru... chứ không phải để đọc. Truyền thống trọng thơ ca không chỉ phổ biến trong dân gian mà còn tồn tại cả trong văn học viết. Nhìn lại văn học Việt Nam trung đại, chỉ thấy các nhà thơ và thành tựu thơ ca mà không thể nói đến một truyền thống văn xuôi trong mười thế kỷ văn học